



TỪ TRÁI NGHĨA

Bài 1: Điền từ trái nghĩa với từ in đậm vào chỗ trống:

- a. Chân trong chân
- b. No bụng con mắt.
- c. Nâng lên đặt
- d. Mua rẻ bán
- g. Nửa kín nửa
- h. Nửa đùa nửa



Bài 2: Điền cặp từ trái nghĩa thích hợp

- a. Sáng chiều
- b. Đất trời
- c. Chân đá.....
- d. Nói quên.....
- e. Thở than
- f. nhà chợ.

Bài 3: Nối từ cột B với từ cột A và ghép từ cột C cho phù hợp

A	Đồng nghĩa với	B	Trái nghĩa với	C
tí hon		thật thà		yên tĩnh
náo nhiệt		chăm chỉ		thẳng tắp
trung thực		nhỏ bé		giả dối
siêng năng		ngoằn ngoèo		to lớn
vòng vèo		ồn ào		lười biếng



Bài 4: Chọn từ trái nghĩa với từ “lành” nói về:

- a. Áo:
- b. Bát:
- c. Tính tình:
- d. Thức ăn:

rách , dữ , sứt ,
ác , mẻ , vá , độc

